

Bản án số: 03/2019/HS-ST

Ngày: 29-05-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Ông Nguyễn Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 04 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Đình T (tên gọi khác: Không có) – sinh năm: 1988, tại: Đắc Lắc;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh L;

Nghề nghiệp: Làm vườn;

Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi Đình T và bà Đỗ Thị P;

Vợ, con: chưa có

Bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1992;

Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 03/2019/HSST-

LCĐKNCT ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

- *Bị hại*: Chị Hoàng Thị Bích T - sinh năm 2002 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Hoàng Quốc V – sinh năm: 1978 (cha đẻ) và bà Chu Thị M – sinh năm 1978 (mẹ đẻ)

Cùng trú tại: Thôn 4, xã H, huyện Đ, tỉnh L

(Có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Anh Đinh Bình L – Sinh năm 1982

Trú tại: Tổ 11, phường B, thành phố B, tỉnh L

(Vắng mặt)

2. Anh Lê Hồng T – sinh năm 1991

Trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

(Có mặt)

3. Anh Lê Văn T – sinh năm 1991

Trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

(Có mặt)

4. Anh Lê Hoài N – sinh năm: 1988

Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h45' ngày 05/10/2018 tại Km 90+ 800, QL 20 thuộc thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh L. Bùi Đình T điều khiển xe mô tô biển số 29X1 – 081.58 lưu thông theo hướng đi từ Tp. Bảo Lộc đi tỉnh Đồng Nai, phía sau chở theo chị Hoàng Thị Bích T sinh năm: 2002, nơi cư trú: Thôn 4 xã H huyện Đ tỉnh L. Khi đi đến địa điểm trên thì va chạm với anh Đinh Bình Long, sinh năm: 1982, Nơi cư trú: Phường 2, TP. Bảo Lộc, tỉnh L đang đứng cạnh xe ô tô đầu kéo số 49C – 077.43 kéo theo rơ moóc biển số 49R – 000.72 để rọi đèn pin cho việc thay bánh xe rơ moóc (anh Long đứng ở phần đường bên phải theo hướng T điều khiển xe mô tô, đứng phía bên tài gần phía sau đuôi của rơ moóc). Hậu quả, xe mô tô do Tuấn điều khiển té ngã và làm chị Hoàng Thị Bích T tử vong, anh Đinh Bình L bị thương.

Tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông Bùi Đình T chưa có giấy phép lái xe theo qui định.

♦ Công tác khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra cho kết quả như sau:

Hiện trường khi khám nghiệm đã bị xáo trộn một phần do nạn nhân đã được đưa đi cấp cứu.

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thuộc Km90+800, QL20, thuộc thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh L. Đường thẳng không bị che khuất tầm nhìn từ hai hướng. Mặt đường được trải bằng bê tông nhựa nóng, bằng phẳng rộng 11m, giữa tim đường có vạch sơn vàng đứt quãng phân chia thành hai phần đường dành cho hai dòng phương tiện chạy ngược chiều nhau mỗi làn rộng 5,5m, hai bên đường có lề đường cứng rộng 2,0 m. Lấy hướng đi từ TP. Bảo Lộc đi Đồng Nai làm hướng khám nghiệm, vị trí phương tiện và các dấu vết đo vào mép đường bên trái theo hướng khám nghiệm.

- Vị trí các cảnh cây (cảnh cây đặt cảnh báo): Nằm trên phần đường bên phải, có kích thước 0,5m x 2m, cách mép đường 9,3m.

- Vị trí xe ô tô vá vỏ lưu động biển số 49H – 9475: Xe đỗ ở trên lề đường cứng phía bên phải, đầu xe hướng về tỉnh Đồng Nai, đuôi xe hướng về TP. Bảo Lộc; trục bánh trước đo đến trục bánh sau cùng bên trái của rơ moóc biển số 49R-000.72 là 3,3m, đo ra mép đường trái là 9,5m, trục bánh sau xe đo ra mép đường trái là 9,55m.

- Vị trí xe ô tô biển số 49C – 07743 kéo theo rơ Moóc biển số 49R-000.72, đang ở trạng thái đứng yên ở mép đường bên phải, song song với chiều đường, đầu xe ô tô quay về hướng Đồng Nai, đuôi xe quay về hướng TP. Bảo Lộc; Trục bánh trước thứ nhất bên trái đo ra mép đường trái là 7,9m; Trục bánh trước thứ hai bên trái đo ra mép đường trái là 7,9m; Trục bánh sau cùng bên trái của rơ moóc đo ra mép đường trái là 7,9m, đo đến trục bánh trước xe mô tô biển số 29X1- 08158 là 42,15 m, đo đến trục bánh sau xe mô tô 29X1- 08158 là 41,1m.

- Vị trí anh Đinh Bình Long đang đứng phía bên trái của rơ moóc biển số 49R-000.72, trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm. Cách mép đường trái là 7,7 m.

- Vùng dịch nằm ở phần đường bên phải có kích thước 0,7m x 0,8m; Tâm vùng dịch cách đầu vết cày, chà là 8,9m, cách tâm cảnh cây cảnh báo là 22,2 m, cách mép đường trái là 7,7m.

- Vết cày, chà có chiều hướng từ TP.Bảo Lộc đi tỉnh Đồng Nai, có chiều dài 32,2m, đầu vết chà nằm ở phần đường bên phải, đo ra mép đường trái là 6,3m; Cuối vết cày chà kết thúc tại đầu tay nắm bên trái của xe mô tô BS:29X1-08158, đo ra mép đường trái là 1,2m.

- Xe mô tô biển số 29X1-08158: Sau tai nạn được xác định nằm ngã nghiêng bên trái, nằm ở phần đường bên trái, đầu xe hướng về tỉnh Đồng Nai, đuôi xe hướng về thành phố Bảo Lộc; trục bánh trước xe mô tô đo ra mép đường trái là 1,8m; Trục bánh sau đo ra mép đường trái là 1,8m và đo đến tâm vùng dịch màu đỏ là 4,8m.

- Vùng dịch màu đỏ nằm bên trái đường có kích thước là 0,4m X 0,8m; Tâm vùng dịch đo ra mép đường trái là 0,7m, đo đến trục sau xe mô tô BS: 29X1-08158 là 4,8m, đo đến trục bánh sau cùng bên trái của rơ moóc biển số 49R-000.72 là 36,5m.

♦ Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 294/2018/TT ngày 15/10/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận nguyên nhân tử vong của Hoàng Thị Bích Thảo là chấn thương sọ não do tai nạn giao thông.

Như vậy, nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn giao thông là do Bùi Đình Tuấn điều khiển xe mô tô 29X - 081.58 không tuân thủ quy định về tốc độ, không giảm tốc độ khi gặp chướng ngại vật vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Qua điều tra xác định Bùi Đình T điều khiển xe mô tô tham gia giao thông khi chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Bùi Đình T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; đại diện phía gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan CSĐT đã tạm giữ 29X1- 081.58 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Bùi Đình T. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã trả lại bị cáo Bùi Đình T.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo Bùi Đình T đã chi số tiền 40.000.000đ để khắc phục hậu quả. Các bên đã thống nhất giải quyết xong về phần trách nhiệm dân sự và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSDH-KT ngày 23/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L truy tố bị cáo Bùi Đình T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 và điểm b,

s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đình T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Lời khai nhận của bị cáo Bùi Đình T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa do đó có căn cứ xác định: Khoảng 22 giờ 45 phút, ngày 05/10/2018, tại Km 90+800, Quốc lộ 20 thuộc thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh L. Bùi Đình T không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 29X1 - 081.58 đã không giảm tốc độ khi gặp chướng ngại vật dẫn đến xe mô tô do Tuấn điều khiển đã va chạm với anh Đình Bình L rồi té ngã. Hậu quả làm chị Hoàng Thị Bích T ngồi sau xe mô tô do Tuấn điều khiển tử vong.

Vụ tai nạn do lỗi trực tiếp của bị cáo Bùi Đình T điều khiển xe khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định không tuân thủ quy định về tốc độ, không giảm tốc độ khi gặp chướng ngại vật gây thiệt hại đến tính mạng của người khác là vi phạm khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 91/ 2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ giao thông vận tải và phạm vào khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ, hậu quả làm một người chết đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, đến sự an toàn về tính mạng và tài sản của công dân. Bị cáo điều khiển xe mô tô khi chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định, chủ quan, coi thường pháp luật; Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ luật giao thông đường bộ nhưng do không chú ý quan sát đến mức an toàn nên đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng của chị T. Để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố xét xử và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó tại phiên tòa hôm nay cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung trong cộng đồng.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực cùng với gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, được đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như tạo điều kiện cho bị cáo sớm được hòa nhập cộng đồng và trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Trong vụ án này có anh Đinh Bình L bị thương tích do T điều khiển xe mô tô gây ra. Tuy nhiên anh L có đơn bãi nại và từ chối giám định thương tích do đó không xác định được tỉ lệ phần trăm thương tích của anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận đối với người đại diện theo pháp luật của bị hại. không ai có yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại giai đoạn điều tra, truy tố là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Đình T (tên gọi khác: Không có) phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đình T 12(mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Đình T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKS, CA huyện Đ;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu: THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hà Giang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKS, CA huyện Đ;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà Giang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gò thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. **Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là**

chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

